

QUY ĐỊNH VỀ TIỀN HỌC VÀ TIỀN DỊCH VỤ ĐÀO TẠO

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định về tiền học và tiền dịch vụ đào tạo của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (gọi tắt là Trường). Bao gồm:

- **Tiền học.**
- **Tiền dịch vụ đào tạo.**
- **Chính sách tiền học đối với các trường hợp:**
 - **Trả nợ tín chỉ.**
 - **Bảo vệ lại khóa luận/luận văn/luận án.**
 - **Xin nghỉ học tạm thời.**
 - **Gia hạn thời gian đào tạo.**
 - **Chuyển đổi chương trình đào tạo.**
 - **Giảm tiền học đối với tín chỉ được công nhận điểm.**
 - **Thôi học.**
 - **Miễn, giảm học phí theo chế độ chính sách.**
- **Phương thức và thời hạn thanh toán.**
- **Xử lý trường hợp vi phạm.**
- **Điều khoản thi hành.**

2. Đối tượng áp dụng:

Quy định này áp dụng cho sinh viên, học viên và nghiên cứu sinh của Trường (gọi tắt là sinh viên).

3. Điều chỉnh và công khai mức phí:

- **Mức tiền học và các khoản tiền dịch vụ đào tạo liên quan sẽ được điều chỉnh hàng năm theo quyết định của Hiệu trưởng.**
- **Quy định này sẽ được công khai trên trang web của Trường và thông báo cho toàn thể sinh viên trước khi thực hiện.**

Điều 2: Quy định về tiền học

1. Khái niệm tiền học:

Tiền học là mức tiền mà người học phải nộp cho Trường để chi trả cho các hoạt động học tập.

2. Quy định về mức tiền học:

- **Mức tiền học của một chương trình đào tạo được quy định theo năm học, trình độ đào tạo, và đối tượng đào tạo.**
- **Mức tiền học có thể tăng theo năm học nhưng không quá 6% so với năm học liền trước.**
- **Việc điều chỉnh học phí hàng năm áp dụng cho sinh viên nhập học từ năm 2023.**

3. Quyết định về mức tiền học:

Hiệu trưởng sẽ ban hành quyết định về mức tiền học hàng năm sau khi được Hội đồng Trường phê duyệt.

4. Phương thức thu tiền học:

Tiền học sẽ được thu theo học kỳ hoặc năm học.

5. Chương trình Tiếng Anh bổ trợ:

Tiền học của chương trình Tiếng Anh bổ trợ sẽ căn cứ theo quyết định hàng năm của Hiệu trưởng.

Điều 3: Quy định về tiền dịch vụ đào tạo

1. Khái niệm tiền dịch vụ đào tạo:

Tiền dịch vụ đào tạo là số tiền mà người học phải trả cho các hoạt động dịch vụ, phục vụ của Trường không được quy định tại Điều 2. Bao gồm:

- **Dịch vụ tuyển sinh.**
- **Thi lại.**

- Phúc tra.
- Thi cải thiện điểm.
- Bảo lưu.
- Học lại.
- Học theo tín chỉ tự nguyện.
- Gia hạn thời gian đào tạo.

2. Điều chỉnh mức tiền dịch vụ:

Mức tiền thu có thể thay đổi hàng năm theo quyết định của Hiệu trưởng và sẽ được thông báo cho sinh viên trước khi thực hiện.

2. Các khoản thu:

2.1. Tiền dịch vụ tuyển sinh: Nộp cùng hồ sơ đăng ký dự tuyển và không hoàn trả trong mọi trường hợp.

- Chương trình đào tạo đại học và thạc sĩ: 500.000đ/hồ sơ.
- Chương trình đào tạo tiến sĩ: 1.000.000đ/hồ sơ.

2.2. Tiền thi lại: 100.000đ/tín chỉ, áp dụng cho các chương trình đào tạo của Trường.

2.3. Tiền phúc tra: 200.000đ/môn phúc tra.

2.4. Tiền thi cải thiện điểm: 200.000đ/tín chỉ.

2.5. Tiền dịch vụ bảo lưu: 1.000.000đ/học kỳ, áp dụng cho sinh viên xin nghỉ học tạm thời muốn tiếp tục giữ tên trong danh sách sinh viên của Trường. Tiền dịch vụ bảo lưu không được hoàn lại.

2.6. Tiền học của tín chỉ tự nguyện: Theo mức học phí áp dụng cho một (1) tín chỉ tại thời điểm đăng ký học bổ sung tín chỉ tự nguyện nhân với số tín chỉ của học phần đó.

Điều 4. Quy định về học phí cho các trường hợp khác:

1. Trả nợ tín chỉ, bảo vệ lại khóa luận/luận văn/luận án:

Sinh viên trả nợ tín chỉ còn thiếu hoặc bảo vệ lại khóa luận/luận văn/luận án phải đóng học phí như sau:

Certainly! Here's the information from the table organized in a clear, list format:

Trả nợ tín chỉ, bảo vệ lại khóa luận/luận văn/luận án:

1. Trả nợ tín chỉ:

- Sinh viên cần đóng tiền học tín chỉ theo công thức: Tiền học tín chỉ nhân với số tín chỉ cần trả nợ.

2. Bảo vệ lại Khóa luận (chương trình Đại học):

- Sinh viên phải đóng học phí bằng Tiền học tín chỉ nhân với số tín chỉ của khóa luận.

3. Bảo vệ lại Luận văn (chương trình Thạc sĩ):

- Sinh viên phải đóng học phí bằng Tiền học tín chỉ nhân với số tín chỉ của luận văn.

4. Bảo vệ lại Luận án (chương trình Tiến sĩ):

- Sinh viên phải đóng mức phí cố định là 10.000.000đ cho mỗi lần bảo vệ lại.

Nghỉ học tạm thời (bảo lưu):

Sinh viên xin nghỉ học tạm thời cần đóng tiền học và phí dịch vụ bảo lưu theo các mốc thời gian sau:

1. Trước khi học kỳ bắt đầu:

- Sinh viên đóng tiền dịch vụ bảo lưu.

2. Từ 1 đến dưới 15 ngày (tính từ ngày đầu tiên của học kỳ):

- Sinh viên đóng tiền dịch vụ bảo lưu và 20% tiền học.
- 3. Từ 15 đến dưới 45 ngày:
 - Sinh viên đóng tiền dịch vụ bảo lưu và 50% tiền học.
- 4. Từ 45 ngày trở lên:
 - Sinh viên đóng tiền dịch vụ bảo lưu và 100% tiền học.

Sau khi hết thời gian nghỉ học tạm thời, sinh viên tiếp tục chương trình học sẽ đóng tiền học cho các tín chỉ chưa hoàn thành theo mức tiền học trả nợ tín chỉ được quy định tại khoản 1, Điều 4 của Quy định này.

Gia hạn thời gian đào tạo của sinh viên:

- Năm học gia hạn được tính từ thời điểm kết thúc của thời gian đào tạo chính thức của chương trình đào tạo.
- Thời gian nghỉ học tạm thời (bảo lưu) được tính vào thời gian đào tạo chính thức.

Mức phí gia hạn thời gian đào tạo được quy định như sau:

1. Sinh viên chương trình đại học và thạc sĩ:
 - Phí gia hạn là 2.000.000đ cho mỗi năm học.
2. Nghiên cứu sinh chương trình tiến sĩ:
 - Phí gia hạn được tính bằng tiền học quy định của một học kỳ nhân với số học kỳ gia hạn.

Chuyển đổi chương trình đào tạo:

- Việc chuyển đổi chuyên ngành đào tạo hoặc chương trình đào tạo được thực hiện vào học kỳ II, năm đại cương B1 theo quy chế đào tạo đại học của Trường.
- Việc nộp bổ sung hoặc hoàn trả học phí chênh lệch do chuyển đổi chương trình học sẽ được thực hiện vào học kỳ kế tiếp sau khi có quyết định của Hội đồng xét lên lớp và chuyển đổi chương trình đào tạo.

Giảm tiền học đối với tín chỉ được công nhận điểm:

- Khi được xét công nhận điểm cho những học phần đã tích lũy, sinh viên sẽ được giảm 50% tiền học tín chỉ nhân với số tín chỉ được công nhận điểm.

Thôi học:

- **Sinh viên thôi học phải nộp tiền học của học kỳ xin thôi học. Mức tiền học phải nộp được tính từ đầu học kỳ đến thời điểm nộp đơn thôi học, cụ thể như sau:**
 - Đối tượng: Tân sinh viên đã nhập học vào Trường
 - Trước ngày học đầu tiên của học kỳ: 20% tiền học
 - Từ 1 đến 15 ngày sau ngày học đầu tiên của học kỳ: 40% tiền học
 - Từ 16 đến 45 ngày sau ngày học đầu tiên của học kỳ: 70% tiền học
 - Trên 45 ngày sau ngày học đầu tiên của học kỳ: 100% tiền học
 - **Đối tượng: Sinh viên đang học tại Trường**
 - Trước khi bắt đầu kỳ học: Không phải đóng tiền học
 - Từ 1 đến 15 ngày sau ngày học đầu tiên của học kỳ: 20% tiền học
 - Từ 16 đến 45 ngày sau ngày học đầu tiên của học kỳ: 50% tiền học
 - Trên 45 ngày sau ngày học đầu tiên của học kỳ: 100% tiền học
 - **Sinh viên chương trình đại học, nếu không tích lũy đủ 180 tín chỉ trong 6 năm học (không tính năm học B0), bị buộc thôi học hoặc bị Hội đồng kỷ luật ra quyết định buộc thôi học sẽ không được hoàn trả tiền học đã đóng.**

7. Miễn, giảm học phí theo chế độ chính sách:

Sinh viên được miễn hoặc giảm học phí theo các quy định hiện hành về chế độ miễn, giảm học phí của Nhà nước, cụ thể như sau:

a) Thời gian thu học phí:

- **Học kỳ I:**
 - Trước ngày 15 tháng 9.
 - Tiền học của học kỳ I đối với tân sinh viên được thu khi làm thủ tục nhập học.
- **Học kỳ II:**
 - Trước ngày 28 tháng 2.
- **Chương trình tiếng Anh bổ trợ:**
 - Theo quy định của Trường.

b) Thời gian thu tiền dịch vụ:

- **Tiền trả nợ tín chỉ:**

- Trước ngày đi học đầu tiên của học kỳ.
- Tiền học theo tín chỉ tự nguyện:
 - Theo thời gian thu học phí của học kỳ.
- Tiền thi lại, tiền thi cải thiện điểm:
 - Trước lịch thi 7 ngày.
- Tiền phúc tra:
 - Cùng thời gian nộp đơn phúc tra.
- Tiền dịch vụ bảo lưu:
 - Theo thời gian nộp đơn xin nghỉ học tạm thời.
- Tiền gia hạn thời gian đào tạo:
 - Nộp cùng thời gian thu tiền học của học kỳ.

c) Chính sách học phí:

- Nhà nước cấp kinh phí theo mức học phí trần của khối ngành học quy định.
- Trường ĐHKHCNHN cấp phần chênh lệch giữa mức hỗ trợ của Nhà nước theo quy định với mức học phí của Trường.

d) Lưu ý:

- Miễn, giảm học phí diện chính sách không được xét cho chương trình học bổng, trả nợ tín chỉ, và thời gian gia hạn đào tạo (ngoài thời gian đào tạo chính thức).

Thời gian và phương thức đóng tiền học, tiền dịch vụ đào tạo

1. Thời gian thu:

- Tiền học: Sinh viên đóng tiền học theo học kỳ hoặc cả năm học trong thời gian quy định.
- Loại phí và thời gian thu:**
- Tiền trả nợ tín chỉ:
 - Trước ngày đi học đầu tiên của học kỳ.
 - Tiền học theo tín chỉ tự nguyện:
 - Theo thời gian thu học phí của học kỳ.
 - Tiền thi lại, tiền thi cải thiện điểm:
 - Trước lịch thi 7 ngày.
 - Tiền phúc tra:
 - Cùng thời gian nộp đơn phúc tra.
 - Tiền dịch vụ bảo lưu:

- Theo thời gian nộp đơn xin nghỉ học tạm thời.
- Tiền gia hạn thời gian đào tạo:
 - Nộp cùng thời gian thu tiền học của học kỳ.

2. Phương thức thanh toán:

- Trường chấp nhận thanh toán tiền học và các khoản tiền dịch vụ bằng:
 - Tiền mặt.
 - Chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Trường.
 - Thanh toán qua máy thanh toán POS.

3. Gia hạn thời gian đóng tiền học:

- Trong trường hợp gặp khó khăn trong việc đóng tiền học đúng hạn, sinh viên có thể nộp đơn xin gia hạn thời gian đóng tiền học về Phòng Công tác sinh viên.
- Thời gian gia hạn tối đa là 30 ngày kể từ ngày cuối theo thông báo đóng tiền học lần 1 của Trường.

Xử lý vi phạm quy định đóng tiền học và tiền dịch vụ đào tạo:

1. Quy trình xử lý:

- **Lần 1:**
 - Phòng Công tác sinh viên sẽ thông báo và nhắc nhở sinh viên về việc không đóng tiền học đúng thời gian quy định.
- **Lần 2:**
 - Sinh viên bị cấm thi kết thúc học phần nếu vẫn chưa hoàn thành việc đóng tiền học sau khi đã được nhắc nhở lần 2.
- **Sau nhắc nhở lần 2:**
 - Sinh viên sẽ bị xóa tên khỏi danh sách nếu không đóng tiền học của một học kỳ.

QUYẾT ĐỊNH HỌC BỔNG CỦA SINH VIÊN TRONG NƯỚC

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

- Văn bản này quy định về việc xét và cấp học bổng cho sinh viên, học viên và nghiên cứu sinh của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (sau đây gọi tắt là Trường). Nội dung bao gồm:

- Loại học bổng
- Đối tượng nhận học bổng
- Giá trị học bổng
- Nguyên tắc xét học bổng
- Tiêu chí xét học bổng
- Quy trình và tổ chức thực hiện việc xét học bổng

2. Đối tượng áp dụng:

- Quy định này áp dụng đối với sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh của Trường (sau đây gọi chung là sinh viên), cụ thể là:

- a) Sinh viên có thành tích học tập xuất sắc.
- b) Sinh viên tốt nghiệp các chương trình đại học, thạc sĩ của Trường và tiếp tục theo học các chương trình đào tạo trình độ cao hơn tại Trường.
- c) Sinh viên có hoàn cảnh khó khăn và có thành tích tốt trong học tập.
- d) Sinh viên là con, anh, chị, em ruột của cán bộ đang công tác tại Trường.

e) Sinh viên đến từ các đơn vị có thỏa thuận hợp tác và hỗ trợ học phí/học bổng với Trường.

Điều 2. Các loại học bổng

Trường có các loại học bổng như sau:

1. Học bổng tài năng
 2. Học bổng khuyến khích học tập
 3. Học bổng thực tập
 4. Học bổng khác:
 - Học bổng tiếp nối
 - Học bổng tăng cường năng lực
 - Học bổng Hạt giống tài năng
 - Học bổng xuất sắc song bằng
 - Học bổng Kết nối
 - Học bổng Vượt khó
-

Điều 3. Nguyên tắc xét học bổng

1. Học bổng chỉ được xét cho sinh viên nộp đơn đề nghị xét học bổng và đang không chịu bất kỳ hình thức kỷ luật nào của nhà trường.
2. Ưu tiên xét học bổng cho sinh viên chấp hành tốt các quy định của Trường, tích cực tham gia các hoạt động sinh viên, và đóng góp vào sự phát triển của Trường.
3. Học bổng được xét từ cao xuống thấp đến khi hết chỉ tiêu. Đối với sinh viên B2, B3, học bổng được xét theo ngành học.
4. Nếu thỏa mãn điều kiện của nhiều loại học bổng của Trường (trừ Học bổng xuất sắc song bằng và Học bổng thực tập), sinh viên chỉ được xét nhận 1 loại học bổng có giá trị cao nhất.
5. Trong quá trình xét học bổng, nếu có nhiều sinh viên cùng đáp ứng tiêu chuẩn về học bổng nhưng phải giới hạn số lượng nhận học bổng, Hội đồng xét học bổng sẽ ưu tiên:
 - Sinh viên thuộc đối tượng dân tộc thiểu số
 - Sinh viên khuyết tật

- Sinh viên tham gia tích cực các hoạt động đóng góp cho xã hội và/hoặc các hoạt động sinh viên của Trường
 - Sinh viên nữ
6. Học bổng được xét cho năm học và cấp theo học kỳ cho sinh viên đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính và đang theo học tại Trường.
 7. Sinh viên xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả học tập trong các trường hợp:
 - Được điều động vào lực lượng vũ trang
 - Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế
 - Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế
 8. Trong những trường hợp này, sinh viên được bảo lưu học bổng đến khi quay trở lại học và hoàn thiện các thủ tục hành chính, tài chính của Trường.
 9. Trong quá trình học, nếu sinh viên thuộc danh sách cấp học bổng vi phạm nội quy nhà trường, tùy theo mức độ vi phạm, nhà trường có thể xem xét thu hồi học bổng của sinh viên.

Điều 4. Nguồn kinh phí

Kinh phí dành cho việc cấp học bổng cho sinh viên được trích từ nguồn thu học phí của Trường.

Điều 5. Học bổng tài năng

1. Đối tượng nhận học bổng:

- Sinh viên đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc tế hoặc quốc gia.

2. Giá trị học bổng:

- Talent1: Miễn 100% học phí toàn khóa học.
- Talent2: 100% học phí.
- Talent3: 75% học phí.
- Khuyến khích: 50% học phí.

Điều 6. Học bổng khuyến khích học tập

1. Đối tượng học bổng:

- Sinh viên đầu vào có thành tích học tập xuất sắc.
- Sinh viên đang theo học tại Trường.

2. Giá trị học bổng:

- Đại học, Thạc sĩ:
 - A1: 100% học phí.
 - A2: 80% học phí.
 - A3: 60% học phí.
 - A4: 40% học phí.
 - A5: 20% học phí.
- Nghiên cứu sinh:
 - DS-A1: 100% học phí.
 - DS-A2: 75% học phí.
 - DS-A3: 50% học phí.

Điều 7. Học bổng thực tập

1. Đối tượng học bổng:

- Sinh viên năm cuối chương trình đại học và thạc sĩ có điểm GPA cao nhất trong ngành đào tạo.

2. Giá trị học bổng:

- Thực tập tại Việt Nam:
 - AI: 15.000.000 VNĐ.
 - A2: 10.000.000 VNĐ.
- Thực tập tại Pháp:
 - A1: 45.000.000 VNĐ.
 - A2: 30.000.000 VNĐ.
- Thực tập tại nước khác:
 - AI: 30.000.000 VNĐ.
 - A2: 20.000.000 VNĐ.

Điều 8. Học bổng khác

1. Các loại học bổng:

- Học bổng Tiếp nối (PS):
 - PS1: 100% học phí.
 - PS2: 75% học phí.
 - PS3: 50% học phí.
 - PS4: 25% học phí.
- Học bổng Tăng cường năng lực (CS):
 - 50% học phí.
- Học bổng Hạt giống tài năng (SOT):
 - 50% học phí.
- Học bổng Xuất sắc Song bằng (DDS):
 - 60.000.000 VNĐ.

- Học bổng Kết nối (A5):
 - Chính sách học bổng theo thỏa thuận hợp tác.
- Học bổng Vượt khó (OS):
 - OS1: 50% học phí.
 - OS2: 30% học phí.
 - OS3: 20% học phí.

Điều 9. Hồ sơ học bổng

1. Hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị xét học bổng.
- Thành tích học tập.
- Thành tích, giải thưởng, bài báo khoa học, công trình nghiên cứu.
- Bản sao hợp đồng làm việc hoặc quyết định cử đi học (đối với học bổng Tăng cường năng lực).
- Xác nhận hoàn cảnh gia đình (đối với học bổng Vượt khó).

Điều 10. Quy trình xét, cấp học bổng

1. Quy trình:

- Bước 1: Thông báo và nhận hồ sơ.
- Bước 2: Xét học bổng.
- Bước 3: Thông báo kết quả xét học bổng.
- Bước 4: Chỉ trả học bổng.

2. Thời gian:

- Đợt 1: Tháng 4/2024.
- Đợt 2: Tháng 5/2024.
- Đợt 3: Tháng 8-9/2024.
- Kết quả Đợt 1: Tháng 5/2024.
- Kết quả Đợt 2: Tháng 6/2024.
- Kết quả Đợt 3: Tháng 10/2024.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm:

- Phòng Công tác Sinh viên: Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện.
- Phòng Kế toán - Tài chính: Thực hiện chi trả học bổng.
- Các đơn vị liên quan: Phổ biến, hướng dẫn thực hiện quy định.

TIẾP NHẬN HỒ SƠ HỌC BỔNG CỦA SINH VIÊN TẠI TRƯỜNG

Nhà trường thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký học bổng năm học 2024-2025 với các điểm chính sau:

1. Đối tượng và tiêu chí nộp học bổng

1.1 **Học bổng khuyến khích học tập (MS)**

- ****Sinh viên****: Lên B1/B2/B3, học viên lên M2 đạt GPA $\geq 15.0/20$ của năm học 2023-2024 (chấp nhận tối đa 1 môn thi lại).

- ****Nghiên cứu sinh****: Đạt thành tích trong hoạt động nghiên cứu (chi tiết xem tại tài liệu hướng dẫn).

1.2 **Học bổng thực tập**

- ****Sinh viên****: Lên B3 có điểm GPA của 2 năm B1 + B2 $\geq 15.0/20$ (chấp nhận tối đa 1 môn thi lại/năm học).

- ****Học viên****: Lên M2 có điểm GPA của M1 năm học 2023-2024 $\geq 15.0/20$ (chấp nhận tối đa 1 môn thi lại/năm học).

1.3 **Học bổng vượt khó (OS)**

- Sinh viên/học viên có kết quả học tập năm học 2023-2024 $\geq 12/20$ và hoàn cảnh khó khăn về tài chính (có minh chứng).

1.4 **Học bổng xuất sắc song bằng (DDS)**

- Sinh viên B2 lên B3 chương trình đào tạo song bằng phải:

- Đủ điều kiện học tiếp năm B3 tại Trường đại học đối tác tại Pháp.

- Đạt kết quả học tập năm B1 + B2 cao nhất và không thấp hơn 15/20 của từng chương trình đào tạo song bằng.

- Có thể nhận đồng thời học bổng Khuyến khích học tập và DDS nếu thỏa mãn điều kiện.

1.5 **Học bổng tăng cường năng lực (CS)**

- Dành cho học viên, nghiên cứu sinh đã nhận học bổng CS năm đầu tiên và được xét lên lớp.

1.6 **Học bổng Hạt giống tài năng (SOT)**

- Sinh viên là con đẻ, anh, chị, em ruột của cán bộ của Trường (làm việc chính thức từ 2 năm trở lên) và có kết quả học tập năm học 2023-2024 $\geq 12/20$.

1.7 **Học bổng Kết nối (AS)**

- Dành cho sinh viên từ các đơn vị có thỏa thuận hợp tác với Trường về hỗ trợ học phí.

2. Quy trình đăng ký

- ****Bước 1****: Điền thông tin vào form đăng ký học bổng: [Form đăng ký](<https://forms.gle/Nq1JeYNCAv6WrPzP8>). Hệ thống Google Forms sẽ gửi bản sao đơn đăng ký vào email của sinh viên.

- ****Bước 2****: Kiểm tra email xác nhận đăng ký học bổng. Nếu không nhận được email phản hồi trong 2 ngày làm việc, gửi email đến scholarship@usth.edu.vn kèm theo bản sao đơn đăng ký học bổng.

3. Thời gian tiếp nhận đăng ký học bổng

- Trước ngày 15/08/2024.

4. Kết quả học bổng

- Sẽ được thông báo trong tháng 9/2024.

Lưu ý

- **Học bổng chỉ xét cho sinh viên nộp hồ sơ đúng quy trình và đúng hạn.**

Liên hệ

- ****Phòng Công tác Sinh viên, Trường ĐHKHCNHN****
- **Địa chỉ: Phòng 606, Nhà A21, 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội**
- **Email: scholarship@usth.edu.vn**
- **Điện thoại: 0243.791.7201 / 0865.785.885**

1. Hồ Sơ Nhập Học

****1.1. Loại giấy tờ và yêu cầu****

- ****Phiếu xác nhận nhập học****: Bản gốc
- ****Giấy chứng nhận kết quả thi THPT Quốc gia****: Bản gốc
- ****Hoặc: Giấy xác nhận hoàn thành chương trình THPT****: Bản dịch công chứng tiếng Việt (đối với thí sinh học chương trình quốc tế)
- ****Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời****: Bản gốc (đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2023)
- ****Hoặc: Bằng tốt nghiệp THPT****: Bản sao công chứng (đối với thí sinh tốt nghiệp từ năm 2022 trở về trước)
- ****Xác nhận chuyên khoản học phí học kỳ I****: Bản sao công chứng (biên lai chuyển tiền thành công)

- ****Căn cước công dân****: Bản sao công chứng
- ****Giấy khai sinh****: Bản sao công chứng
- ****02 ảnh 4x6****: Ghi rõ họ tên, mã tuyển sinh vào mặt sau ảnh, đựng trong phong bì thư
- ****Sổ sinh hoạt Đoàn TNCS HCM****: Bản gốc
- ****Sơ yếu lý lịch theo mẫu của USTH****: Bản gốc (có xác nhận của địa phương)
- ****Giấy chứng nhận sức khỏe****: Bản gốc (theo Thông tư 14/2013/TT-BYT, có giá trị trong vòng 6 tháng) hoặc đăng ký khám sức khỏe tại trường khi làm thủ tục nhập học
- ****Giấy giới thiệu chuyên đăng ký nghĩa vụ quân sự hoặc giấy xác nhận vắng mặt****: Bản gốc (đối với thí sinh nam)
- ****Thành tích, giải thưởng môn Toán/Vật lý/Hóa học/Sinh học hoặc Tin học từ cấp tỉnh/thành phố trở lên****: Bản sao công chứng (đối với thí sinh được tuyển thẳng vào USTH theo giải thưởng)
- ****Chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh IELTS từ 5.0 trở lên hoặc các chứng chỉ tương đương khác****: Bản sao công chứng (nếu có)

****Mẫu phiếu xác nhận nhập học và sơ yếu lý lịch USTH có thể tải từ website của trường.****

2. Học Phí và Các Khoản Phí Cần Nộp

****2.1. Học phí****

- ****Các ngành song bằng****: 37.500.000 VND
- ****Ngành Kỹ thuật Hàng không****:
 - Kỹ thuật Vận hành (3 năm): 50.000.000 VND

- **Kỹ thuật Bảo dưỡng (3 năm): 50.000.000 VND**
- **Kỹ thuật Bảo dưỡng và BI+B2 (4 năm): 62.500.000 VND**
- ****Các ngành đơn bằng**:** 25.000.000 VND

****Hình thức nộp học phí**:** Chuyển khoản đến tài khoản của trường

- ****Ngân hàng**:** Vietcombank
- ****Tên thụ hưởng**:** Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội
- ****Số tài khoản**:** 1111222266
- ****Chi nhánh**:** Thăng Long
- ****Nội dung nộp tiền**:** “Mã tuyển sinh USTH/số báo danh - Họ và tên thí sinh HP Kỳ I 2023”

****2.2. Các khoản phí khác****

- ****Phí Bảo hiểm y tế (15 tháng từ 10/2023-12/2024)**:** 850.500 VND
- ****Phí khám sức khỏe đầu vào**:** (dự kiến, nếu đăng ký khám tại trường)
- ****Đoàn phí và hoạt động phí (3 năm)**:** 210.000 VND
- ****Bảo hiểm thân thể (Tự nguyện)**:**
 - **3 năm (từ tháng 10/2023 đến 9/2025):** 270.000 VND
 - **4 năm (từ tháng 10/2023 đến 9/2026):** 360.000 VND

****Lưu ý**:** Các khoản phí khác được nộp trực tiếp khi làm thủ tục nhập học, không chuyển khoản cùng học phí.

3. Hồ Sơ Xin Học Bổng

****3.1. Điều kiện nộp học bổng****

- ****Điểm trung bình 5 môn KHTN**** (Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học) của 3 năm THPT từ 8.8/10 trở lên.

****3.2. Hồ sơ xin học bổng****

- ****Đơn xin học bổng USTH****: Tải từ website của trường.
- ****Các thành tích, giải thưởng****: Các môn khoa học tự nhiên từ cấp tỉnh, thành phố trở lên (nếu có).
- ****Chứng nhận hoàn cảnh gia đình****: Có xác nhận của địa phương hoặc cơ quan có thẩm quyền (đối với học bổng vượt khó).

4. Ký Túc Xá

- ****Địa điểm****: Khu Lưu Trú Viện Hàn Lâm KHCNVN
- ****Thời gian thông báo danh sách****: Trước ngày 26/08/2023

5. Hoạt Động Sinh Viên

****Mọi thắc mắc liên quan đến thủ tục nhập học, vui lòng liên hệ:****

- **Phòng Công tác Sinh viên**

- **Điện thoại:** 0865.785.885 / 0243.791.7201

HỌC BỔNG CHO SINH VIÊN QUỐC TẾ/SCHOLARSHIP FOR INTERNATIONAL STUDENT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 353/QĐ-ĐHKHCN ngày 26/04/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội)

PHẦN I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- 1. Văn bản này quy định việc xét và cấp học bổng cho sinh viên quốc tế nhập học các chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (sau đây gọi tắt là Trường) bao gồm: Đối tượng xét học bổng, mục đích; nguyên tắc xét học bổng; nguồn kinh phí; phân loại học bổng; hồ sơ học bổng; quy trình và tổ chức thực hiện.**
- 2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh là người nước ngoài của Trường (gọi chung là sinh viên), cụ thể là:**
 - a) Sinh viên đến từ các đơn vị đối tác có ký thỏa thuận hợp tác với Trường về việc Trường cấp học bổng, tài trợ học phí hoặc hỗ trợ tài chính cho sinh viên theo học các chương trình đào tạo đại học, thạc sĩ và tiến sĩ tại Trường và do Trường cấp bằng.**
 - b) Sinh viên theo học các chương trình đào tạo đại học, thạc sĩ và tiến sĩ của Trường không bao gồm sinh viên thuộc đối tượng ở điểm a, khoản 2, Điều 1 và sinh viên trao đổi.**

Điều 2: Mục đích

Thu hút sinh viên quốc tế đến học tập tại Trường đồng thời khuyến khích việc trao đổi, giao lưu văn hóa, giáo dục của sinh viên các nước, tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa Trường và các đơn vị ở các nước trên thế giới.

Điều 3: Giải thích từ ngữ

- 1. Sinh viên quốc tế:** Sinh viên có quốc tịch nước ngoài tham gia học tập các chương trình đào tạo tại Trường.
- 2. Sinh viên trao đổi:** Sinh viên quốc tế đến trao đổi học tập một kỳ, một năm, hai năm, hoặc thực hiện chương trình thực tập tại Trường theo các Biên bản ghi nhớ, Thỏa thuận hợp tác mà Trường đã ký kết với các đơn vị đối tác. Sinh viên hoàn thành chương trình trao đổi sẽ được Trường cấp bằng điểm học tập, chứng nhận hoàn thành chương trình trao đổi hoặc bằng cấp đồng cấp.

Điều 4: Nguyên tắc xét học bổng

- 1. Học bổng chỉ được xét cho sinh viên nộp đơn đề nghị xét học bổng.**
- 2. Học bổng được chỉ trả sau khi sinh viên đã hoàn thành thủ tục nhập học và đang theo học tại Trường.**
- 3. Sinh viên có thể nhận đồng thời nhiều loại học bổng nếu đáp ứng điều kiện học bổng.**
- 4. Trong quá trình học tại Trường, nếu sinh viên thuộc danh sách cấp học bổng vi phạm nội quy nhà trường, tùy theo mức độ, nhà trường có thể xem xét thu hồi học bổng hoặc dừng cấp học bổng cho sinh viên.**
- 5. Học bổng được chỉ trả qua tài khoản của sinh viên được mở tại Việt Nam.**

Điều 5: Nguồn kinh phí

Kinh phí dành cho học bổng được trích từ nguồn thu học phí của Trường.

PHẦN II: PHÂN LOẠI HỌC BỔNG

Điều 5: Học bổng Global (GS)

- 1. Đối tượng học bổng**

Sinh viên quốc tế theo học các chương trình đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Trường và do Trường cấp bằng.

Sinh viên trao đổi và sinh viên đến từ các đơn vị đối tác có ký thỏa thuận hợp tác với Trường về việc Trường cấp học bổng hoặc hỗ trợ tài chính cho sinh viên theo học các chương trình đào tạo của Trường và do Trường cấp bằng không thuộc đối tượng xét nhận học bổng này.
- 2. Giá trị học bổng**

Giá trị học bổng Global (GS):

- 1. GS-A1: 100% học phí**
- 2. GS-A2: 75% học phí**
- 3. GS-A3: 50% học phí**
- 4. GS-A4: 25% học phí**

Điều 6: Học bổng USTH Partner Scholarship (UPS)

1. Đối tượng học bổng

Sinh viên đến từ các đơn vị đối tác có ký thỏa thuận hợp tác với Trường về việc Trường cấp học bổng hoặc tài trợ học phí cho sinh viên theo học các chương trình đào tạo đại học, thạc sĩ và tiến sĩ của Trường và do Trường cấp bằng, đạt kết quả học tập tốt, cụ thể là:

- Đối với tân sinh viên: đạt điểm trung bình chung kết quả học tập của chương trình đào tạo bậc liên trước của chương trình đào tạo tại USTH đạt từ 12/20 (hoặc tương đương) trở lên.
- Đối với sinh viên năm 2, năm 3: đạt điểm trung bình chung các môn học của năm học liền trước tại Trường từ 12/20 trở lên.

2. Giá trị học bổng

Giá trị học bổng USTH Partner Scholarship (UPS):

- 1. UPS1: 100% học phí**
- 2. UPS2: 75% học phí**
- 3. UPS3: 50% học phí**
- 4. UPS4: 25% học phí**
- 5. Xét học bổng**

Hội đồng xét học bổng căn cứ hồ sơ đề nghị xét học bổng của sinh viên và Thỏa thuận hợp tác của Trường với đơn vị đối tác để quyết định mức học bổng.

Trường hợp học bổng được xét cấp cho năm học đầu tiên (theo nội dung của thỏa thuận hợp tác), học bổng năm học tiếp theo được xét dựa trên kết quả học tập và thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên ở năm học liền trước tại Trường.

Điều 7: Học bổng USTH Support (USS)

1. Đối tượng học bổng

Sinh viên đến từ các đơn vị đối tác có ký thỏa thuận hợp tác với Trường về việc hỗ trợ tài chính cho sinh viên theo học các chương trình đào tạo đại học, thạc sĩ và tiến sĩ của Trường.

2. Giá trị học bổng

Giá trị học bổng USTH Support (US\$):

- **US\$: 5.000.000 VNĐ/tháng**
-

Điều 8: Học bổng thực tập

1. Đối tượng học bổng

Sinh viên năm cuối chương trình đại học hoặc chương trình thạc sĩ, theo học toàn bộ chương trình đào tạo tại Trường và do Trường cấp bằng, có kết quả học tập xuất sắc (xét cho quá trình học tập tại Trường) đi thực tập cuối khóa trong khuôn khổ chương trình đào tạo của Trường.

Kết quả học tập được xét là điểm trung bình chung môn học (GPA) của năm 1 và năm 2 đối với chương trình đại học và năm 1 đối với chương trình thạc sĩ tại Trường, không thấp hơn 15/20 (hoặc tương đương).

2. Giá trị học bổng

- Thực tập tại Việt Nam: tối đa 15.000.000 VNĐ.
- Thực tập tại Pháp: tối đa 45.000.000 VNĐ.
- Thực tập tại các quốc gia khác: tối đa 30.000.000 VNĐ.

3. Mức học bổng cụ thể được căn cứ vào điểm GPA của sinh viên và địa điểm thực tập.

4. Xét học bổng

Học bổng được xét khi sinh viên hoàn thành hồ sơ xin học bổng và hồ sơ thực tập.

Sinh viên được nhận học bổng thực tập sẽ nhận 80% học bổng sau khi bắt đầu thực tập và 20% học bổng sau khi hoàn thành thực tập.

PHẦN III: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9: Trách nhiệm thực hiện

- 1. Phòng Công tác Sinh viên có trách nhiệm:**
 - Thực hiện quy trình xét học bổng.
 - Thông báo kết quả xét học bổng đến sinh viên.
- 2. Phòng Kế toán - Tài chính có trách nhiệm:**
 - Chi trả học bổng cho sinh viên theo quy định.
 - Đảm bảo việc chi trả đúng thời gian và đúng số tiền học bổng.
- 3. Phòng Quản lý đào tạo có trách nhiệm:**
 - Phối hợp với các phòng, ban liên quan trong việc thực hiện quy định.
 - Công bố và hướng dẫn thực hiện quy định về học bổng cho sinh viên quốc tế.
- 4. Các Khoa chuyên môn có trách nhiệm:**
 - Tuyên truyền và hướng dẫn sinh viên về quy định học bổng.
 - Phối hợp trong việc xét học bổng cho sinh viên.

Điều 10: Giải quyết khiếu nại

Khi có khiếu nại về việc xét học bổng, sinh viên cần báo cáo cho Phòng Công tác Sinh viên để được giải quyết.